

Số:167/KH-UBND

Uông Bí, ngày 16 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 2313/QĐ-UB ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc ủy quyền quyết định hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. UBND thành phố Uông Bí xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện kịp thời một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị; các cấp, các ngành triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao nhất.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban, ngành cấp thành phố; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; đảm bảo đúng quy trình, thủ tục quy định; đảm bảo sự đồng bộ, tính hiệu quả, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện.

B. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

I. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND THÀNH PHỐ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2313/QĐ-UBND NGÀY 14/7/2021 CỦA UBND TỈNH

1. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (quy định tại điểm 4, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tự thực ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục) phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

a. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

b. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

1.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

1.2.1. Mức hỗ trợ:

a) 1.855.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày).

b) 3.710.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên.

1.2.2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

1.2.3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

1.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

b. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết

định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại điểm 1.2.2. khoản 1 Kế hoạch này.

1.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố quản lý (gọi tắt là đơn vị):

- Đơn vị có văn bản đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Đơn vị gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố nơi đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch (để cấp kinh phí cho đơn vị);

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, đơn vị thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Sau 03 ngày hoàn thành việc chi trả (ngày làm việc) đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện kèm danh sách chi trả cho các đối tượng tới Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại (gọi tắt là đơn vị):

Triển khai, thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh.

1.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày 15/02/2022.

1.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố thực hiện lưu hồ sơ hỗ trợ đối tượng quy định tại điểm a tiết 1.4 nêu trên;

2. Hỗ trợ người lao động ngừng việc (quy định tại điểm 5, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a. Làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

b. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng trước liền kề tháng người lao động ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động.

2.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người.

b. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

c. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

2.3. Hồ sơ đề nghị: theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Bản sao văn bản yêu cầu cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

b. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại tiết b điểm 2.2 khoản 1 của kế hoạch này.

2.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả: theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

b) Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Lao động - TB&XH thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

d) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố chuyển kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động để thực hiện chi trả cho người lao động.

đ) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện chi trả cho người lao động.

1.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

1.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

3. Hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế (quy định tại điểm 7 và điểm 8, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

3.1. Đối tượng hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 25 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg cụ thể:

Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Mức, thời gian hỗ trợ: theo quy định tại Điều 26 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

3.2.1. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

3.2.2. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

3.2.3. Đối với trẻ em trong thời gian điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế:

a) Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em.

b) Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế.

3.3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

3.3.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 đang điều trị tại cơ sở y tế gồm:

a) Danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Giấy ra viện điều trị do nhiễm COVID-19 của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.3.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 đang thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm:

a) Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.3.3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F0 đã kết thúc điều trị tại cơ sở y tế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành gồm:

a) Giấy ra viện.

b) Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở y tế đã điều trị.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.3.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà gồm:

- a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cách ly y tế tại cơ sở cách ly hoặc cách ly tại nhà.
- b) Giấy hoàn thành việc cách ly.
- c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.
- d) Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với người đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly.

3.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Đối với trường hợp đang điều trị hoặc cách ly tại khu cách ly tập trung (trừ cách ly trong các cơ sở y tế công lập): Đơn vị giao quản lý khu cách ly tập trung căn cứ vào hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg lập danh sách (theo Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Phòng Y tế thành phố để thẩm định, tổng hợp trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Y tế thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ sở cách ly biết và thông báo cho đối tượng.

Trong phạm vi 02 ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố để cấp kinh phí cho Cơ sở quản lý khu cách ly hỗ trợ cho đối tượng; Cơ sở quản lý khu cách ly thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng.

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/3/2022**.

b) Đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, người điều trị (F0), người cách ly (F1) gửi hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

Trước ngày 05 và ngày 20 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập danh sách (Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Phòng Y tế thành phố.

Trong 02 ngày làm việc, Phòng Y tế thành phố tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phòng Y tế trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Ủy ban nhân dân cấp xã và đối tượng biết.

Trong phạm vi 02 ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch để cấp kinh phí cho UBND cấp xã để chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng.

c) Đối với trường hợp đang điều trị hoặc cách ly tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh:

Triển khai, thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh.

d) Cơ sở y tế, cơ sở quản lý khu cách ly y tế tập trung, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (Mẫu 8c tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí.

3.5. Tiến độ thực hiện: Đối tượng quy định tại tiết a, b điểm 3.4 nêu trên hoàn thành xong trước ngày **15/4/2022**; Đối tượng quy định tại tiết c, điểm 3.4 nêu trên hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

3.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Y tế thành phố; UBND cấp xã.

4. Hỗ trợ hộ kinh doanh (Quy định tại điểm 10, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: theo quy định tại Điều 35 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.
- b. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

4.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: theo quy định tại Điều 36 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

- a. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh.
- b. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.

4.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

b) Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

c) Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Đội quản lý thị trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố thẩm định, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tổng hợp.

d) Trong 03 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.4. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

4.5. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố.

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

Triển khai, thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí phòng, chống dịch COVID -19 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số

giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Từ quỹ dự trữ tài chính ngân sách tỉnh (tối đa không quá 70%);
- Ngân sách trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố:

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp tham mưu UBND thành phố tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ nêu trên.

- Tham mưu thành lập tổ công tác gồm đại diện Chính quyền, Công an, Mặt trận tổ quốc để tổ chức triển khai và giám sát trong quá trình thực hiện.

- Tham mưu xét duyệt, thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng quy định tại điểm a tiết 1.4 khoản 1 và khoản 2 Mục I Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, chủ trì tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng theo Kế hoạch này; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Phòng Y tế Thành phố:

- Tham mưu xét duyệt, thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b tiết 3.4, khoản 3, Mục I Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố:

- Phối hợp với chi cục thuế Uông Bí - Quảng Yên và các cơ quan liên quan tham mưu xét duyệt, thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 4, Mục I Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Mục III Kế hoạch này. Đồng thời hướng dẫn việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định

- Định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

4. Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên:

- Cung cấp danh sách hộ kinh doanh trên địa bàn phải tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Phòng Tài chính thành phố tổng hợp.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố:

- Căn cứ quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh để hướng dẫn người sử dụng lao động các thủ tục, hồ sơ vay vốn và tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 11, Mục II Kế hoạch số 137/KH-UBND của UBND Tỉnh.

- Tiếp nhận, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện gói hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc.

- Định kỳ trước ngày 15 hàng tháng, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ

6. Bảo hiểm xã hội thành phố:

- Căn cứ quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 và 2, Mục II Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 3, Mục II Kế hoạch số 137/KH-UBND.

- Thực hiện xác nhận danh sách người lao động tham gia bảo hiểm xã hội thuộc nhóm đối tượng quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 11 Mục II Kế hoạch số 137/KH-UBND.

- Định kỳ trước ngày 15 hàng tháng, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

7. Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố:

Tuyên truyền, trên các phương tiện thông tin đại chúng các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh và kế hoạch này để các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh và nhân dân nắm rõ thực hiện.

8. Công an thành phố:

Chỉ đạo tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chủ động nắm tình hình, tham mưu các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp có hành vi lợi dụng các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

9. Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra thành phố:

Tăng cường thực hiện công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật.

10. Phòng Tư pháp thành phố:

Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường tuyên truyền phổ biến các chính sách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

Tham gia triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do phòng, ban, ngành quản lý. Đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cơ sở triển khai thực hiện Kế hoạch này.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tích cực thông tin, tuyên truyền về các nội dung chính sách của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng quy định tại điểm b tiết 3.4 khoản 3 và khoản 4, Mục I Kế hoạch này đảm bảo đúng đối tượng, tiến độ, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Hướng dẫn, cung cấp mẫu đề nghị hỗ trợ cho các đối tượng, lập danh sách theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này; thành lập tổ công tác gồm đại diện Chính quyền, Công an, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên để tổ chức triển khai và giám sát trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng trên địa bàn.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố:

- Trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình chỉ đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tổ chức tốt công tác tuyên truyền, thông tin về các nội dung chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này để biết và thực hiện.

- Chỉ đạo và tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng, ban, ngành; UBND các phường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, đề xuất phương án xử lý, giải quyết. /NB

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB & XH (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố (c/đ);
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể TP (p/h);
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan (t/h);
- UBND các xã, phường (t/h);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành